

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày 19/01/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình

Ông Võ Xuân Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Minh Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 265/2020/TLST-DS ngày 26/8/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXXST-DS ngày 08/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2020/QĐST-DS ngày 29/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên J.

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 15, Tòa nhà C, Nguyễn Thị M, phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông YOSHIKAWA T – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T – Nhân viên quản lý công nợ - J (Theo các văn bản ủy quyền ngày 06/10/2020, ngày 03/12/2020).

Nơi cư trú: Khu phố 4, phường Đ, TP. P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Minh H, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Lê Phương Th, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Khu phố 7, phường T, TP. P, tỉnh Ninh Thuận (ông H, bà Th vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên J (sau đây gọi tắt là Công ty JIVF) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng được Ngân hàng nước cấp phép hoạt động tại Giấy phép số 90/GP-NHNN ngày 13/4/2010.

Ngày 03/11/2016, Công ty JIVF với ông Phan Minh H, bà Nguyễn Lê Phương Th lập Hợp đồng số 85402-000-000-0026-000, ông H và bà Th vay tiền mua xe ô tô theo hình thức thế chấp chính tài sản hình thành từ vốn vay và trả góp hàng tháng tại quầy tư vấn cửa hàng Công Thành có trụ sở tại phường Tân Lợi, TP. Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Số tiền vay 615.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất 0,791%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, số tiền thanh toán mỗi tháng 10.049.029 đồng. Ngày bắt đầu thanh toán 30/11/2016, hạn thanh toán cuối cùng 31/10/2023.

Cùng ngày 03/11/2016, ông Phan Minh H và bà Nguyễn Lê Phương Th ký hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (động sản) số 85402/0002-HĐTC với Công ty JIVF. Tài sản thế chấp là xe ô tô Chevrolet Cruze, 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2016, biển số 85A – 021.31 đơn giá 560.000.000 đồng, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 011830, cấp ngày 31/10/2016 do ông Phan Minh H đứng tên chủ sở hữu. Toàn bộ giá trị tài sản thế chấp dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bên thế chấp tại JIVF theo hợp đồng tín dụng số 85402-000-000-0026-000 ngày 03/11/2016, đã ký với Công ty JIVF.

Từ ngày 01/12/2016, đến ngày 31/12/2018 bên vay chỉ thanh toán cho Công ty JIVF được số tiền 251.264.350 đồng. Từ ngày 31/12/2018, bên vay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty JIVF. Trong thời gian chờ xử lý tài sản bảo đảm từ ngày 22/02/2019 đến ngày 22/5/2019 bên vay thanh toán thêm được số tiền 40.280.000 đồng.

Việc bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ đã vi phạm Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 85402-000-000-0026-000 ngày 03/11/2016, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty JIVF.

Căn cứ vào quyền thu hồi tài sản được Quy định tại Điều 9 Hợp đồng tín dụng số 85402-000-000-0026-000, Điều 5 hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 85402/0002-HĐTC mà Bên vay đã ký với Công JIVF. Ngày 31/5/2019, Công ty JIVF đã tiến hành xử lý tài sản thu hồi bằng hình thức bán đấu giá công khai. Tổng số tiền thu hồi được sử dụng để thu hồi một phần nợ vay 297.301.056 đồng.

Căn cứ điểm c khoản 9.1 Điều 7 và khoản 9.3 Điều 9 Hợp đồng tín dụng số 85402-000-000-0026-000 ngày 03/11/2016, tổng số tiền thu hồi được dùng để thu hồi

một phần nợ vay (giá bán xe trừ chi phí thẩm định giá, chi phí đấu giá, nợ quá hạn) 158.251.568 đồng không đủ để hoàn tất nghĩa vụ thanh toán tổng dư nợ của bên vay.

Do ông Phan Minh Hải và bà Nguyễn Lê Phương Th không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết theo hợp đồng tín dụng, nên nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông Phan Minh H và bà Nguyễn Lê Phương Th phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền tính đến ngày 29/6/2020, là 159.614.011 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm mười bốn ngàn, không trăm mười một đồng) trong đó: Nợ gốc là 138.197.327 đồng, lãi phát sinh 14.784.963 đồng và lãi quá hạn 6.631.721 đồng. Từ ngày 30/6/2020 trở về sau Công ty JIVF không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Lê Phương Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty JIVF khởi kiện yêu cầu ông Phan Minh H và bà Nguyễn Lê Phương Th phải trả số tiền nợ đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 85402-000-000-0026-000 ngày 03/11/2016. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố 7, phường Tấn Tài, TP. Phan Rang - Tháp Chàm. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H và bà Th đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ bị đơn đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đối chiếu Giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay vốn 85402-000-000-0026-000 ngày 03/11/2016. Hợp đồng tín dụng mua xe ô tô trả góp, thỏa thuận thanh toán số 85402/002/2016/TTTT-JIVF ngày 03/11/2016, Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai ngày 03/11/2016, thấy rằng các giấy tờ trên đều có chữ ký của ông Phan Minh H và bà Nguyễn Lê Phương Th. Căn cứ vào các chứng cứ trên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 03/11/2016, ông Phan Minh H và bà Nguyễn Lê Phương Th vay của Công ty JIVF số tiền 615.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất 0,791%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, số tiền thanh toán mỗi tháng 10.049.029 đồng. Ngày bắt đầu thanh toán 30/11/2016, hạn thanh toán cuối cùng 31/10/2023. Tính đến ngày 05/6/2019 ông H và bà Th đã trả được cho Công ty JIVF tổng cộng 609.042.850 đồng (trong đó: 476.802.673 đồng tiền gốc, 132.018.282 đồng tiền lãi trong hạn và 221.895 đồng lãi quá hạn).

[2.2] Từ ngày 05/6/2019, đến nay ông H và bà Th không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty JIVF nên từ ngày 01/7/2019, Công ty JIVF chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn như đã thỏa thuận là phù hợp với Điều 6 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 9 Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cho vay tiêu dùng của Công ty tài chính. Tính đến ngày 29/6/2020, ông Phan Minh H và bà Nguyễn Lê Phương Th còn nợ Công ty JIVF số tiền 159.614.011 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm mười bốn ngàn, không trăm mười một đồng) trong đó: Nợ gốc là 138.197.327 đồng, lãi phát sinh 14.784.963 đồng và lãi quá hạn 6.631.721 đồng.

[2.3] Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Phan Minh H và bà Nguyễn Lê Phương Th vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 466 của Bộ Luật dân sự và khoản 2 Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên J.

2. Buộc ông Phan Minh H và bà Nguyễn Lê Phương Th có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên J số tiền 159.614.011 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm mười bốn ngàn, không trăm mười một đồng) trong đó: Nợ gốc là 138.197.327 đồng, lãi trong hạn 14.784.963 đồng và lãi quá hạn 6.631.721 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định đã có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí: Ông Phan Minh H và bà Nguyễn Lê Phương Th phải chịu: 7.981.000 đồng (Bảy triệu chín trăm tám mươi một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên J số tiền 3.990.000 đồng (Ba triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0022831 ngày 20/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng